

NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

★ TS PHAN MẠNH TOÀN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- **Tóm tắt:** Trong hệ thống đa dạng các nguồn lực của sự phát triển đất nước, nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất. Đối với Việt Nam hiện nay, khi nguồn lực tài chính và các nguồn lực vật chất nói chung còn hạn hẹp thì việc phát triển nguồn nhân lực là yêu cầu bức thiết, có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển hóa “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” thành hiện thực.
- **Từ khóa:** nguồn nhân lực; nguồn nhân lực Việt Nam; phát triển nguồn nhân lực Việt Nam.

Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước đã cho thấy, đột phá về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại và thiết lập quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp là một trong những yếu tố quyết định quá trình hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Vì thế, tiếp nối tinh thần Đại hội XI và Đại hội XII, trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Đảng ta xác định, “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” vẫn là một trong ba đột phá chiến lược của công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay. Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*, từ quan điểm đến phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, Đảng cũng luôn nhất quán khẳng định, phải “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất”; “Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài;

có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước”; “Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”¹. Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2023 “Về phát triển thị trường lao động linh hoạt, bền vững, hiệu quả, hiện đại và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội” cũng xác định, phải “triển khai các giải pháp đột phá về phát triển nguồn nhân lực, đầu tư mạnh mẽ vào con người, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, chủ động thích ứng với xu hướng già hóa dân số và sẵn sàng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”².

1. Nguồn nhân lực được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Theo nghĩa chung nhất, nguồn nhân lực của một quốc gia là lực lượng bao gồm những người trong độ tuổi lao động, có thể lực,

trí lực, tâm lực, đáp ứng yêu cầu việc làm trong những điều kiện cụ thể, tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo nghĩa đó, nguồn nhân lực được đặc trưng bởi các yếu tố: số lượng, cơ cấu và chất lượng, trong đó chất lượng nguồn nhân lực là quan trọng nhất, giữ vai trò quyết định.

Một là, số lượng và cơ cấu nguồn nhân lực nước ta hiện nay.

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019³, quy mô dân số cả nước ước đạt 97,58 triệu người. Với quy mô dân số đó, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á, thứ 15 trên thế giới; trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 54,6 triệu người, chiếm gần 65% trong quy mô dân số cả nước. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2020, lực lượng lao động ước giảm khoảng 1,2 triệu người. Theo *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2023*, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III năm 2023 là 52,4 triệu người; trong đó lao động có việc làm đạt 51,3 triệu người.

Về cơ cấu theo độ tuổi, tỷ trọng dân số từ 15 đến 64 tuổi ở nước ta hiện nay chiếm 68,0%; tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi là 24,3% và từ 65 tuổi trở lên chiếm 7,7%. Nghĩa là, chúng ta đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng (khi số người trong độ tuổi lao động gấp đôi số người phụ thuộc). Tuy nhiên, xu hướng dân số già hóa ở nước ta tăng nhanh trong những thập niên gần đây, khi tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi giảm và tỷ trọng người trên 60 tuổi ngày càng tăng. Một số dự báo cho rằng, số lượng người trên 65 tuổi sẽ tăng lên khoảng 14,4 % vào năm 2035, biến nước ta từ xã hội có cơ cấu dân số trẻ thành xã hội dân số già và số người trong độ tuổi lao động bắt đầu giảm tuyệt đối từ sau năm 2035.

Về cơ cấu theo giới tính, số lượng nam giới chiếm 49,9% và nữ giới chiếm 50,1%, tương đương với tỷ số giới tính là 99,5 nam/100 nữ. Tỷ lệ này tuy chưa quá nghiêm trọng, nhưng vẫn cao hơn so với các nước trong khu vực. *Về cơ cấu theo trình độ*, lao động có trình độ cao đẳng và đại học trở lên chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 62,08%; từ đại học trở lên chiếm 46,25%, nhưng trình độ trung cấp nghề chỉ chiếm khoảng 18,33%. Sự thiếu cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo dẫn đến tình trạng nguồn nhân lực “vừa thừa vừa thiếu”: thiếu đội ngũ lao động lành nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao, trình độ tay nghề thành thạo, nhưng lại dư thừa số lượng nhân công giá rẻ và kể cả dư thừa một lượng không nhỏ lao động có trình độ đại học trở lên, gây lãng phí lớn.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay.

Ngoài các yếu tố về số lượng, cơ cấu, những chỉ số phản ánh chất lượng nguồn nhân lực cũng cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực nước ta không ngừng được nâng lên, song còn nhiều bất cập, cần được cải thiện nhiều hơn nữa mới có thể đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới:

Thứ nhất, thể lực của người lao động trong nguồn nhân lực nước ta hiện nay tuy đã được cải thiện, song vẫn còn những hạn chế.

Theo kết quả tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc năm 2020 được công bố tại Hội nghị ngày 15 tháng 4 năm 2021⁴, chiều cao của người Việt đã được cải thiện đáng kể so với một vài thập niên trước. Hiện nay, chiều cao trung bình của nam thanh niên Việt Nam là 168,1cm và của nữ thanh niên Việt Nam là 156,2cm (Chiều cao của nam tăng 4,4cm, nữ tăng 3,6cm so với thời điểm những năm 2000). Tuy nhiên, người Việt vẫn thuộc nhóm thấp bé nhẹ cân so với các

nước trên thế giới. Trong khu vực ASEAN, chiều cao người Việt cũng mới chỉ đứng vị trí thứ 4, sau Singapore, Thái Lan, Malaysia. Với sự phát triển mạnh của hệ thống an sinh xã hội, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng được quan tâm, tuổi thọ trung bình không ngừng được nâng lên, tầm vóc, sức khỏe của con người Việt Nam được cải thiện rõ rệt so với trước, song vẫn còn không ít hạn chế, chưa thực sự đáp ứng đòi hỏi lao động, việc làm của nền sản xuất trong bối cảnh mới. Nhiều chủ trương, chính sách được ban hành và từng bước được hiện thực hóa trong cuộc sống đã cho thấy quyết tâm của Đảng, Nhà nước ta trong việc cải thiện sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, như Quyết định số 641 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030, với mục tiêu tổng quát là “Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam”⁵; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, với mục tiêu “Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam...”⁶.

Thứ hai, trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của người lao động trong nguồn nhân lực nước ta hiện nay chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đối với nước ta, tỷ lệ lao động qua đào tạo đã từng bước được cải thiện, song nhìn chung còn khá thấp so với yêu cầu của phát triển kinh tế số trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Các số liệu trong Văn kiện Đại hội XII và Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ ra: năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51,6%, trong đó 19,9% có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp nghề trở lên; năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 64,5%, trong đó 24,5% có bằng cấp, chứng chỉ. Theo *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2023*, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III năm 2023 đạt 27,3%, và cả nước vẫn còn khoảng 38,1 triệu người lao động chưa qua đào tạo. Ngoài ra, trình độ tin học, ngoại ngữ cũng là một rào cản đối với người lao động Việt Nam trong môi trường hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học - công nghệ. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp cận các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại và là một trong những nguyên nhân làm cho lực lượng sản xuất lạc hậu, năng suất lao động thấp. Chúng ta đang có lợi thế về số lượng nhân lực đông, nhân lực trẻ, cơ cấu dân số vàng, song chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, việc làm là một trong những điểm nghẽn rất lớn cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Văn kiện Đại hội XIII cũng đã chỉ rõ: “Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo...”⁷. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII cũng nhấn mạnh, một trong những nguyên nhân của việc không hoàn thành mục tiêu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm

2020, tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần, có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình là “Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả...; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo”⁸.

Trong bối cảnh hiện nay, những đột phá của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ làm mất đi lợi thế của các quốc gia chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ nhưng lạc nhịp về công nghệ; lao động giản đơn, ít kỹ năng sẽ đứng trước nguy cơ thất nghiệp, bị đào thải dẫn đến sự căng thẳng về việc làm và bất bình đẳng trong thu nhập. Do đó, việc nâng cao trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cho người lao động để thực sự có được nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ cấp thiết. Từ thực tế đó, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* đặt ra mục tiêu: Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28-30%; đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%. Trong Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2023 “Về phát triển thị trường lao động linh hoạt, bền vững, hiệu quả, hiện đại và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội”, cũng thể hiện quan điểm tập trung phát triển nguồn nhân lực quốc gia, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phấn đấu đạt mục tiêu đến 2025 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% và đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động⁹.

Thứ ba, tinh thần hợp tác, thái độ, tác phong lao động, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật của người lao động trong nguồn nhân

lực nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Do ảnh hưởng của nền sản xuất nhỏ, khép kín, tự cung tự cấp trong một thời gian dài dẫn đến cách làm và tư duy manh mún, vụn vặt, thiếu tinh thần hợp tác, thiếu tác phong chuyên nghiệp; thói quen tùy tiện, nặng về lợi ích trước mắt nên thiếu nhìn xa trông rộng. Bên cạnh đó là thói quen dựa vào kinh nghiệm tạo nên tính trì trệ, thiếu năng động; chưa mạnh dạn thay đổi cách nghĩ, cách làm lạc hậu; tinh thần đổi mới sáng tạo chưa cao... ảnh hưởng đến việc tiếp thu tri thức khoa học, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ. Mặt khác, đạo đức nghề nghiệp, ý thức bảo vệ môi trường, ý thức chấp hành pháp luật và tuân thủ kỷ luật trong lao động nhìn chung còn hạn chế. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động, chất lượng sản phẩm lao động chưa cao, môi trường sinh thái ô nhiễm, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm diễn biến phức tạp... Nếu không được rèn luyện một cách thực sự nghiêm túc sẽ khó có thể đáp ứng yêu cầu lao động, việc làm trong môi trường hội nhập. Thực tế đó đòi hỏi, phải “Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”¹⁰, góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước hiện nay.

2. Thực trạng nguồn nhân lực trước những yêu cầu cấp bách đang đặt ra từ bối cảnh mới cho thấy, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược để thực hiện thắng lợi mục tiêu của sự nghiệp đổi mới. Điều đó đòi hỏi phải thực hiện tốt, đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, không ngừng hoàn thiện và hiện thực hóa các chủ trương, chính sách về nâng cao tầm vóc, thể lực cho người lao động Việt Nam. Thể lực là tiền đề cơ bản, đầu tiên cần phải có để người lao động có thể tham gia vào quá trình sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Hơn nữa, để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của lao động cường độ cao, áp lực lớn, cạnh tranh khốc liệt trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu trước hết là phải nâng cao tầm vóc và thể lực người lao động. Muốn vậy, phải nỗ lực “Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động”¹¹. Nhà nước cần ưu tiên đầu tư ngân sách, đồng thời có cơ chế, chính sách để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được huy động vào việc bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân nói chung, người lao động nói riêng. Mặt khác, cần thực hiện tốt vấn đề an sinh xã hội, quản lý hiệu quả vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân; xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở; hướng tới thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các dịch vụ y tế, để mọi người dân đều có điều kiện được chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh đó, phải xây dựng các công trình thể dục thể thao công cộng, phục vụ nhân dân; mở rộng các phong trào, hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, giải trí lành mạnh để con người phát triển toàn diện, hài hòa về đức, trí, thể, mỹ.

Hai là, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chú trọng nâng cao trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm và tư duy đổi mới sáng tạo;

rèn luyện tinh thần, tác phong, ý thức chấp hành pháp luật của người lao động.

Nguồn nhân lực chất lượng cao, như Văn kiện Đảng đã xác định: “Nguồn lực đó là người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại”¹². Trong khi đó, giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới, kỹ năng mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế. Thực tế đó đòi hỏi, hệ thống giáo dục Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ, căn bản, toàn diện theo hướng ưu tiên hỗ trợ cho các ngành khoa học và công nghệ bằng các thể chế và chính sách hiệu quả, tạo ra nguồn nhân lực có năng lực vượt trội, chuyên môn tốt, có khả năng làm việc với công nghệ thông minh và khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo để có thể tận dụng tốt các cơ hội và vượt qua thách thức và có thể có những bứt phá trong tương lai. Mặt khác, cũng cần ưu tiên các nguồn lực để đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao, đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phát triển kinh tế xã hội; xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí đồng thời tạo những điều kiện tối ưu để mọi người dân có thể tiếp cận và sử dụng thế giới công nghệ số. Bên cạnh đó, phải coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm xã hội, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cần đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chú trọng đào tạo lại, đào

tạo thường xuyên cho lực lượng lao động, xây dựng xã hội học tập. Đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, triển khai mô hình đào tạo tại doanh nghiệp... để người học có thể đáp ứng ngay yêu cầu việc làm của các doanh nghiệp, giảm thời gian đào tạo thêm, đào tạo lại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội. Chú trọng hoạt động đào tạo nghề; bảo đảm sự cân đối và đồng bộ giữa lao động phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động khoa học; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục, đào tạo cho người lao động; gắn kết chặt chẽ đào tạo với thị trường lao động, việc làm bền vững và an sinh xã hội. Cùng với đó là phải xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong những ngành, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, xuất khẩu lao động gắn với nhu cầu đất nước trong từng thời điểm cụ thể.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, qua đó không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề của người lao động. Những thành tựu khoa học công nghệ và công nghệ được ứng dụng vào sản xuất không chỉ cải tiến công cụ lao động, tạo nguồn nguyên vật liệu mới mà còn đòi hỏi bản thân người lao động phải luôn học hỏi, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề... để thích ứng. Tuy nhiên, việc nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ trong nền kinh tế nước ta còn chậm; trình độ cơ khí hóa, tự động hóa, tin học hóa của các ngành kinh tế còn khá thấp. Do đó, cần “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm

chủ công nghệ hiện đại... Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số nền kinh tế quốc gia và phát triển kinh tế số”¹³. Mặt khác, phải tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là “động lực then chốt” để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị.

Bốn là, nâng cao hiệu quả của công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, cung cấp hệ thống dữ liệu khoa học làm căn cứ cho việc đào tạo, sử dụng, phát triển hợp lý nguồn nhân lực. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu đòi hỏi phải thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu lao động, việc làm và nguồn nhân lực, xây dựng và thường xuyên cập nhật hệ thống thông tin, dữ liệu mở về nguồn nhân lực, về nhu cầu lao động và việc làm trong từng lĩnh vực, ngành nghề, trình độ đào tạo, nhất là những ngành nghề mới. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta vẫn thiếu cơ sở dữ liệu điện tử trong quản lý lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong tương lai. Thực tế hiện nay đang đòi hỏi, phải “Khẩn trương rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực, từng vùng để kịp thời kết nối, cung ứng lao động. Đặc biệt là đánh giá nhu cầu nhân lực của các nhà đầu tư nước ngoài đã có dự án và đang nghiên cứu đầu tư vào Việt Nam”¹⁴; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở dữ liệu về người lao động, hệ thống quản trị thị trường lao

động hiện đại, minh bạch có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác để quản trị được tình trạng lao động, việc làm của người lao động từ khi bắt đầu tham gia thị trường lao động, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách về lao động, việc làm, an sinh xã hội; xây dựng mạng lưới thông tin và cơ sở dữ liệu thị trường lao động, nhu cầu kỹ năng tương lai; đầu tư nghiên cứu xây dựng, thường xuyên phân tích và công bố dự báo thị trường lao động theo ngành, nghề, vùng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu

quả các chính sách về lao động - việc làm, an sinh xã hội, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Tóm lại, khi nguồn lực tài chính và các nguồn lực vật chất của nước ta còn hạn hẹp, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là một trong những đột phá chiến lược để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, không ngừng nâng cao năng suất lao động, từng bước hiện thực hóa “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân ❖

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.215, 221, 231.

² <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2023/2/8/7/NQ-06-CP.pdf>.

³ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>

⁴ <https://vietnamnet.vn/cong-bo-ket-qua-tong-dieu-tra-dinh-duong-toan-quoc-728009.html>.

⁵ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=100184>.

⁶ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quet-so-20-nqtw-ngay-25102017>.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tập II, tr.70.

⁸ Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Tài liệu học tập các văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2022, tr.68.

⁹ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2023/2/8/7/NQ-06-CP.pdf>.

¹⁰ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quet-so-29-nqtw-ngay-4112013>.

¹¹ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2023/2/8/7/NQ-06-CP.pdf>.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, tr.707

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tập I, tr.123.

¹⁴ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2023/2/8/7/NQ-06-CP.pdf>.